

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN BÌNH
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2024/HNGĐ-ST

Ngày 19 - 08 - 2024

V/v: Ly hôn, con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Thái và ông Nguyễn Văn Thống

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Đức Định - Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 08 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 99/2024/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 05 năm 2024 về việc "Ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 06 năm 2024, Thông báo mở lại phiên tòa số 25/TB-TA ngày 29 tháng 07 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị T**, sinh năm 1998; ĐKKHKT: **Thôn Đ, xã P, huyện Y, tỉnh Yên Bái**; chỗ ở hiện tại: **Thôn N, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang**; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt;

- Bị đơn: Anh **Lý Văn B**, sinh năm 1993; cư trú tại **thôn Đ, xã P, huyện Y, tỉnh Yên Bái**; được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai vẫn vắng mặt, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06-05-2024 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị **Hoàng Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi với anh **Lý Văn B** tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại **UBND xã P, huyện Y, tỉnh Yên Bái** ngày 28-08-2017. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống cùng gia đình anh **Lý Văn B** hạnh phúc được khoảng 3 (ba) năm thì phát sinh mâu thuẫn. Đầu năm 2020, Tôi về nhà

bố, mẹ đẻ của tôi ở thôn N, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, sinh sống; vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay Tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh Lý Văn B.

- Về con chung: Chúng tôi 01 con chung là Lý Hoàng M sinh ngày 06 - 07- 2017. Hiện nay anh B đi làm ăn xa, không có mặt tại địa phương để chăm sóc con nên tôi xin được trực tiếp nuôi con để tiện chăm sóc cháu trưởng thành. Tôi không yêu cầu anh Lý Văn B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Chị Hoàng Thị T giao nộp đơn có xác nhận của UBND xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, nội dung: Chị Hoàng Thị T là kinh doanh nhỏ, có thu nhập bình quân, ổn định 6.000.000 đồng/ tháng; bà Đặng Thị N (sinh năm 1978, trú tại thôn N, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang- mẹ đẻ chị T) có Đơn đề nghị, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, nội dung: Hiện tại chị T đã về ở cùng gia đình bà N; bà N và gia đình sẽ hỗ trợ chị Hoàng Thị T chỗ ở và giúp đỡ chị T nuôi con.

* Anh Lý Văn B được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không có lý do, không gửi ý kiến đến Tòa án.

*Cháu Lý Hoàng M có nguyện vọng ở với mẹ Hoàng Thị T.

**Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được bảo đảm đúng quy định của pháp luật, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 và các điều 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Lý Văn B; giao cho chị Hoàng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lý Hoàng M; anh Lý Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Hoàng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại

phiên toà, ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh **Lý Văn B** có hộ khẩu thường trú tại **thôn Đ, xã P, huyện Y, tỉnh Yên Bái** nên yêu cầu ly hôn của chị **Hoàng Thị T** thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

Chị **Hoàng Thị T** có đơn xin xét xử vắng mặt; anh **Lý Văn B** được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do, nên căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Hoàng Thị T** và anh **Lý Văn B** tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân **xã P, huyện Y, tỉnh Yên Bái**, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã động viên, phân tích để chị **Hoàng Thị T** về đoàn tụ với anh **Lý Văn B**, cùng nhau nuôi dạy con chung, nhưng chị **Hoàng Thị T** kiên quyết xin ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không bảo ban được nhau, không có tiếng nói chung, không còn chung sống với nhau và không quan tâm đến nhau; tình trạng vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của Chị **Hoàng Thị T** là có căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên cần chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Anh **Lý Văn B** đã nhận được thông báo của Tòa án nhưng không có ý kiến về việc nuôi con; xét chị **Hoàng Thị T** có nguyện vọng trực tiếp nuôi con, có việc làm và thu nhập ổn định, có điều kiện trực tiếp nuôi con, phù hợp với nguyện vọng của con. Vì vậy cần giao con chung cho chị **Hoàng Thị T** trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo tốt nhất cho sự phát triển của con và phù hợp với hoàn cảnh thực tế của các bên.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị **Hoàng Thị T** không yêu cầu giải quyết; Anh **Lý Văn B** không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đã phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tế, khách quan của các đương sự nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị **Hoàng Thị T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; các điều 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Hoàng Thị T** được ly hôn anh **Lý Văn B**.

2. Về con chung: Giao cho chị **Hoàng Thị T** trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Lý Hoàng M**, sinh ngày 06-07-2017; anh **Lý Văn B** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị **Hoàng Thị T** phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0001335 ngày 08-05-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái; chị **Hoàng Thị T** đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Phúc An.
- VKS huyện Yên Bình;
- Chi cục THADS huyện Yên Bình;
- Lưu HS, TA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thanh

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thanh

